

HOẠT ĐỘNG ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CỦA CHƯƠNG TRÌNH SEMLA

Trương Quang Học*, Per Bertilsson*

Đặt vấn đề

Biến đổi khí hậu (BĐKH), mà trước hết là sự nóng lên toàn cầu và nước biển dâng, là một trong những thách thức nghiêm trọng nhất đối với loài người trong Thế kỷ 21. BĐKH tác động tới mọi lĩnh vực, bao gồm tài nguyên thiên nhiên, môi trường, kinh tế xã hội và sức khỏe con người. Tuy nhiên, mức độ ảnh hưởng của nó có thể khác nhau tùy theo điều kiện địa lý, mức độ phát triển và các biện pháp thích ứng mà các khu vực cũng như các quốc gia cụ thể áp dụng (IPCC, 2007 a, b).

Việt Nam được coi là một trong các quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của BĐKH. Mặc dù tác động của BĐKH trên các mặt xã hội, kinh tế và môi trường chưa được đánh giá đầy đủ, nhưng rõ ràng BĐKH đã trở thành một thách thức hiện hữu đối với các nỗ lực nhằm đạt được mục tiêu về xóa đói giảm nghèo, phát triển bền vững và các Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ. Vì vậy, việc ứng phó với BĐKH là một trong những ưu tiên của Việt Nam, cả trong trước mắt và lâu dài (Trương Quang Học, 2007 a, b; Bộ TNMT, 2008).

Hiện nay, theo tinh thần của Nghị quyết số 60/2007/NQ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ, Bộ TN&MT đã xây dựng và đang trình Chính phủ phê duyệt Chương trình Mục tiêu Quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu (CTMTQG). Khi được phê duyệt, Chương trình sẽ trở thành định hướng và chiến lược cơ bản của Nhà nước để ứng phó với BĐKH. Trên cơ sở này, các bộ, ngành và địa phương sẽ xây dựng các kế hoạch hành động của mình để phối hợp triển khai thực hiện. Bộ cũng đã thiết lập một Diễn đàn đối thoại chính sách với thành viên là các bộ, ngành, tổ chức, các đối tượng khác có liên quan và các nhà tài trợ. Diễn đàn đối thoại chính sách là công cụ hỗ trợ và điều phối trong việc xây dựng và thực hiện CTMTQG (Bộ TNMT, 2007, 2008).

Chương trình Hợp tác Việt Nam - Thụy Điển về Tăng cường Năng lực Quản lý Đất đai và Môi trường (SEMLA) tại Bộ TNMT có nhiều hoạt động chịu sự tác động của BĐKH. Bốn trong số sáu tỉnh của SEMLA (bao gồm Nghệ An, Phú Yên, Bình Định và Bà Rịa Vũng Tàu) là các tỉnh có biển. Một số hoạt động liên quan đến việc thích ứng và giảm nhẹ tác động của BĐKH đã được thực hiện trong Chương trình và đã được đưa vào Kế hoạch hoạt động giai đoạn 1/1/2008 - 30/6/2009 (Per Bertilsson và Trương Quang Học, 2007).

Kết quả và các mô hình thành công của Chương trình sẽ được nhân rộng trong phạm vi các tỉnh SEMLA và trên phạm vi cả nước. Các kinh nghiệm và mô hình thực

* GS.TS Chương trình SEMLA, Bộ Tài nguyên và Môi trường

tế này là các yếu tố đầu vào và là đóng góp quan trọng cho quá trình chuẩn bị và triển khai các kế hoạch hành động cụ thể để thực hiện CTMTQG.

Bài viết này trình bày các hoạt động về ứng phó với biến đổi khí hậu và kết quả bước đầu đạt được của Chương trình SEMLA theo Kế hoạch năm 2008 - 2009 trong các lĩnh vực có liên quan.

1. Tổng quan về biến đổi khí hậu và chương trình SEMLA

1.1. Biến đổi khí hậu

Nói chung, BĐKH có ba biểu hiện đặc trưng cơ bản sau đây:

- Nhiệt độ trung bình năm tăng; sự biến đổi và độ khác thường của thời tiết và khí hậu tăng;
- Nước biển dâng do băng tan từ các cực Trái đất và các đỉnh núi cao;
- Các hiện tượng cực đoan của thời tiết và thiên tai (nóng, rét hại, bão, lũ lụt, hạn hán, v.v...) xảy ra với tần suất cao hơn, cường độ và độ khác thường lớn hơn.

Việt Nam được coi là một trong các quốc gia sẽ chịu ảnh hưởng hưởng lớn nhất của BĐKH. Ở Việt Nam, trong 50 năm qua, nhiệt độ trung bình đã tăng lên 0.7°C và mực nước biển đã dâng lên khoảng 20 cm. Hiện tượng El-Nino và La-Nina đã ảnh hưởng lớn hơn, thiên tai, đặc biệt là bão lũ và hạn hán ngày càng trở nên khốc liệt hơn. Các hiện tượng biến đổi này chỉ là dấu hiệu báo trước của các diễn biến sẽ xảy ra. Theo tính toán gần đây nhất, đến năm 2100, nhiệt độ trung bình có thể tăng thêm 3°C và mực nước biển dâng lên tới 1 m (Bộ TNMT, 2008).

Nếu nhiệt độ trung bình tăng thêm 2°C và mực nước biển dâng thêm 1 m, thì 12,2% diện tích đất - nơi sống của 23% dân số (khoảng 17 triệu người) sẽ bị ngập. Trong trường hợp nước biển dâng thêm 3m, khoảng 25% dân số sẽ chịu ảnh hưởng trực tiếp và GDP sẽ bị giảm sút khoảng 25%. Khi đó, vùng đồng bằng sông Cửu Long, dự kiến khoảng 45% diện tích sẽ bị nhiễm mặn nặng và mùa màng sẽ bị thiệt hại nghiêm trọng do ảnh hưởng của lũ lụt. Nếu không có biện pháp thích ứng hiệu quả thì khi nước biển dâng thêm 1m, cả vùng châu thổ này sẽ bị ngập lụt trong thời gian dài mỗi năm. Thiệt hại ước tính lên tới 17 tỷ USD (Van Urk and Misdorp, 1996; Pilgrim, 2007).

Việt Nam đã ký Công ước chung của Liên Hợp Quốc về BĐKH (UNFCCC) (1992), Nghị định thư Kyoto (KP) (1998) và Tham gia Hội nghị Baly (2007). Bộ Tài nguyên và Môi trường (TN&MT) được giao làm Cơ quan đầu mối của Chính phủ Việt Nam tham gia và thực hiện UNFCCC, KP. Chính phủ đã ban hành các Chỉ thị, Quyết định, Nghị quyết giao Bộ TN&MT và các bộ, ngành, địa phương có liên quan triển khai thực hiện các cam kết này.

Trong thời gian qua, Việt Nam đã tham gia nhiều hoạt động của khu vực và toàn cầu về BĐKH và có quan hệ hợp tác thường xuyên với Ban Thư ký UNFCCC, Ban Chấp hành Quốc tế về Cơ chế phát triển sạch (CDM, KP), Ban liên Chính phủ về BĐKH, với các nước và các tổ chức quốc tế về các vấn đề có liên quan. Việt Nam cũng đã triển khai một số chương trình nghiên cứu, dự án về BĐKH, CDM có kết quả (Bộ TNMT, 2003, 2004; VACNE, 2008).

1.2. Chương trình SEMLA

SEMLA là Chương trình hợp tác Việt Nam - Thụy Điển kéo dài 5 năm (từ 2004 đến giữa năm 2009) với mục tiêu chung là hỗ trợ thiết lập một hệ thống quản lý TNMT hiệu quả phục vụ cho tăng trưởng kinh tế, xoá đói giảm nghèo, phát triển bền vững và bảo vệ môi trường, quản lý tốt ở cấp địa phương và hỗ trợ người dân tham gia vào quá trình ra quyết định.

Chương trình SEMLA có 9 hợp phần: i) Hợp phần quốc gia (gồm 6 nhóm chuyên đề: Rà soát chính sách và quản lý, Xây dựng năng lực, Quản lý đất đai, Quản lý môi trường, Hệ thống thông tin đất đai và môi trường, Nâng cao nhận thức), ii) Hợp phần đặc thù về An toàn hoá chất (của Bộ Công - Thương và Hợp phần đặc thù của Cục BVMT, và iii) sáu hợp phần tỉnh (Hà Giang, Nghệ An, Phú Yên, Bình Định, Đồng Nai, và Bà Rịa Vũng Tàu).

Tại mỗi hợp phần tỉnh có 8 dự án, bao gồm: P1 - Ngăn ngừa, Kiểm soát Ô nhiễm và Phục hồi sau Ô nhiễm, P2 - Sản xuất sạch hơn, P3 - An toàn hoá chất, P4 - Đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC) & Đánh giá tác động môi trường (ĐTM), P5 - Hệ thống thông tin đất đai và môi trường, P6 - Quy hoạch sử dụng đất, P7 - Đăng ký đất đai và Phát triển thị trường bất động sản và P8 - Xây dựng năng lực và Nâng cao nhận thức.

Ngay từ khi bắt đầu, Chương trình đã xác định rõ ràng rằng Hợp phần quốc gia sẽ chịu trách nhiệm xây dựng chính sách, tổ chức triển khai và hỗ trợ kỹ thuật; các Hợp phần tỉnh chịu trách nhiệm triển khai các chính sách đã được xây dựng và có ý kiến phản hồi lên các cấp cao hơn để hoàn thiện chính sách.

Các thành tựu mà Chương trình SEMLA đạt được đã có đóng góp quan trọng đối với sự phát triển của ngành TNMT, sự phát triển kinh tế xã hội/xoá đói giảm nghèo, việc thực hiện các mục tiêu và thỏa thuận hợp tác phát triển giữa Việt Nam và Thụy Điển, và việc thực hiện Cam kết Hà Nội về hiệu quả viện trợ (Hoàng Minh Đạo, Trương Quang Học và Per Bertilsson, 2007).

2. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

Một số hoạt động của Chương trình SEMLA đã có sự lồng ghép với việc thích ứng và giảm nhẹ tác động của BĐKH (Per Bertilsson và Trương Quang Học, 2007), bao gồm:

2.1. Quy hoạch sử dụng đất (Nhóm Chuyên đề Quản lý Đất đai)

Một trong các hoạt động mới được thực hiện gần đây là trong lĩnh vực quy hoạch sử dụng đất (QHSDĐ) vì đây chính là cơ sở chung cho việc quản lý tài nguyên đất đai và quy hoạch tối ưu hoá về sử dụng đất. Vì vậy, QHSDĐ là một công cụ hiệu quả để thích ứng với BĐKH.

Chương trình SEMLA đã bắt đầu rà soát lại các mô hình quy hoạch sử dụng đất tổng hợp đã được xây dựng và thử nghiệm tại 6 tỉnh trong năm 2007 và xác định các nội dung ứng phó, giảm nhẹ BĐKH có thể được đưa vào quy hoạch cũng như các bước tiến hành cụ thể trong quy trình lập QHSDĐ (Trương Quang Học, Per Bertilsson and Jonas Noven, 2007).

Một cách tổng quát, có bốn hoạt động chính như sau:

- Sử dụng/Thu thập dữ liệu có liên quan đến khí hậu trong bước thứ nhất của Quy trình lập QHSDĐ;
- Đánh giá tiềm năng đất đai và các rủi ro BĐKH có thể gây ra;
- Đánh giá về mặt môi trường đối với các phương án quy hoạch nhằm xem xét các tác động của phương án quy hoạch tới khí hậu và ngược lại;
- Đánh giá nhu cầu bố trí đất đai cho các công trình sản xuất năng lượng tái tạo, trên cơ sở các kịch bản về giảm thiểu phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính và đề xuất các vị trí thuận lợi để xây dựng (khu vực phong điện, điện mặt trời, v.v...)
- Giám sát việc thực hiện QHSDĐ, bao gồm cả việc quan trắc khí hậu.

Bảng 1. Sơ đồ các bước lồng ghép các yếu tố BĐKH trong QHSDĐ

Các bước lập quy hoạch sử dụng đất	Các yếu tố BĐKH
1: Xác định bối cảnh và mục đích của quy hoạch	- Bổ sung các chỉ tiêu về thích ứng và giảm nhẹ tác động của BĐKH (trên cơ sở kế hoạch hành động của Bộ TNMT và của Việt Nam) - Sử dụng các phân tích về khả năng bị tổn thương từ biến đổi khí hậu và sử dụng các phân tích này trong việc xác định các mục tiêu của QHSDĐ
2. Khảo sát thu thập dữ liệu, phân tích xu thế	- Bổ sung các chỉ tiêu về BĐKH khi thu thập thông tin môi trường từ các cơ sở dữ liệu và từ người dân địa phương, ví dụ: về thay đổi nhiệt độ, về nguồn nước, về hạn hán, lũ lụt, v.v... - Thu thập thông tin từ các mô hình dự báo hiện có tại Việt Nam
3. Đánh giá tiềm năng đất đai và xây dựng phương án quy hoạch	- Khi đánh giá tiềm năng đất đai, bổ sung thêm các định hướng/giới hạn về sử dụng đất đã được quy định tại các chiến lược ứng phó với BĐKH cũng như khả năng bảo vệ/thích ứng thông qua việc điều tiết sử dụng đất
4. Thẩm định phương án quy hoạch và lựa chọn phương án tối ưu	- Sử dụng các tiêu chí về BĐKH để đánh giá các phương án quy hoạch, ví dụ: phương án nào là phương án có độ thích ứng cao nhất với các tác động của biến đổi khí hậu, cũng như tác động từ quy hoạch trở lại đối với BĐKH (ví dụ: các hoạt động góp phần làm gia tăng tích tụ nhiệt, sử dụng nước, gây ô nhiễm, v.v...)
2. Khảo sát thu thập dữ liệu, phân tích xu thế	- Trong báo cáo đánh giá môi trường, bổ sung thêm một nội dung đánh giá về cách thức mà QHSDĐ đáp ứng các yêu cầu về BĐKH - Xây dựng các quy định khả thi về giới hạn sử dụng đất để áp dụng cho các khu vực có nguy cơ cao
3. Đánh giá tiềm năng	- Bổ sung thêm các tiêu chí về BĐKH trong kế hoạch giám sát

đất đai và xây dựng phương án quy hoạch	thực hiện quy hoạch sử dụng đất - Nếu có thể, bổ sung thêm kinh phí cho việc áp dụng các biện pháp thích ứng với BĐKH trong kinh phí thực hiện QHSDD
--	---

Ngoài ra, Chương trình cũng đã thực hiện một số mô hình toán về dự báo BĐKH cho các tỉnh SEMLA về khả năng biến đổi lượng mưa và nhiệt độ. Các mô hình toàn cầu này sử dụng dữ liệu độ cao và khí tượng giai đoạn từ 1950 tới nay để dự báo các biến động tới năm 2050. Các mô hình này tính toán nhiệt độ và lượng mưa trung bình hàng tháng cho lưới dự báo trong đó ô diện tích một ô lưới là 1 km² (trên cơ sở độ phân giải của mô hình số độ cao - DEM).

Mục đích của việc thử nghiệm này nhằm xác định xem có thể ứng dụng các kết quả dự báo như vậy vào quá trình lập quy hoạch sử dụng đất tại cấp tỉnh hay không. Một cách khiêm tốn nhất, các mô hình này có thể giúp xác định mức độ tương đối về biến đổi lượng mưa và nhiệt độ cho một tỉnh hoặc một khu vực.

2.2. Đánh giá môi trường chiến lược (Nhóm Chuyên đề Quản lý Môi trường)

Phiên bản mới của Hướng dẫn Kỹ thuật chung của Bộ TNMT về ĐMC có bổ sung thêm nội dung thích ứng và giảm nhẹ tác động của BĐKH trong quá trình ĐMC. Tóm tắt nội dung này như sau.

Bảng 2. Sơ đồ hướng dẫn lồng ghép nội dung thích ứng với BĐKH trong các bước ĐMC

Các bước thông thường về ĐMC	Lồng ghép nội dung thích ứng với biến đổi khí hậu
1. Xác định các vấn đề chính mà ĐMC cần tập trung	Khi tiến hành ĐMC, cần xem xét xem nội dung thích ứng với biến đổi khí hậu có phải là một nội dung quan trọng đối với chính sách/quy hoạch/chương trình đang được đánh giá hay không. Nếu có, ĐMC cần xác định các vấn đề chính liên quan đến thích ứng và giảm nhẹ cũng như các mục tiêu cụ thể cần được tính đến trong chính sách/quy hoạch/chương trình đó và trong ĐMC. <i>Điều này có thể được thực hiện thông qua các quy định và phương pháp luận cụ thể để xác định các vấn đề/mục tiêu về biến đổi khí hậu cho chính sách/quy hoạch/chương trình đó.</i>
2. Phân tích xu thế môi trường cơ bản (tức là xu thế môi trường trong trường hợp không có chính sách/quy hoạch/chương trình đó)	Khi tiến hành ĐMC, có thể phân tích khả năng một số xu thế môi trường có thể bị ảnh hưởng bởi BĐKH, ví dụ: • Chất lượng và trữ lượng nguồn nước (sông, hồ/hồ chứa, nước ngầm, nước biển/nước lợ) • Đa dạng sinh học (biến đổi các hệ sinh thái và chức năng của các hệ sinh thái, biến đổi mô hình di cư v.v...) <i>Điều này có thể được thực hiện thông qua các quy định và phương pháp luận cụ thể trong quy trình ĐMC để phục vụ việc xem xét các biến đổi môi trường có thể xảy ra trong tương lai do tác động của BĐKH (hiện tại, hầu hết các nghiên cứu cơ bản về môi trường</i>

	<i>thực hiện trong quá trình ĐMC nếu có thì cũng chỉ nghiên cứu tác động từ các quy hoạch/chương trình phát triển; biến đổi khí hậu chưa được xem là một yếu tố cơ bản có thể tác động tới các xu thế môi trường cơ bản trong tương lai).</i>
3. Đánh giá các mục tiêu phát triển, các ưu tiên hoặc hoạt động nêu trong các chính sách/quy hoạch/chương trình	Khi tiến hành ĐMC, có thể đánh giá các kịch bản, mục tiêu phát triển hoặc các ưu tiên hoặc hoạt động nêu trong chính sách/quy hoạch/chương trình về các khía cạnh sau: • Chúng có tác động tích cực hay tiêu cực đối với môi trường khi bị tác động bởi biến đổi khí hậu (xem mục 2 ở trên); • Tính tới các vấn đề và mục tiêu liên quan tới BĐKH • Chúng có làm tăng khả năng dễ bị tổn thương do BĐKH đối với ngành/khu vực liên quan <i>Điều này có thể được thực hiện bằng cách xây dựng các phương pháp luận để đánh giá theo các khía cạnh này.</i>
4. Đánh giá việc tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện đối với chính sách/quy hoạch/ chương trình	Khi tiến hành ĐMC, có thể quy định phải thực hiện một số “kiểm tra về thích ứng và giảm nhẹ tác động từ biến đổi khí hậu” đối với các dự án được đề xuất. Quy định này có thể được áp dụng cho trong khuôn khổ hoạt động ĐTM trong quá trình cấp phép cho các dự án.

2.3. Nâng cao nhận thức cộng đồng (Nhóm Chuyên đề Nâng cao Nhận thức Cộng đồng)

Nâng cao nhận thức cộng đồng về BĐKH - bao gồm các kịch bản, tác động và chương trình/ kế hoạch ứng phó - là một nhiệm vụ cấp thiết đối với Việt Nam. Đối với Bộ TNMT với tư cách là cơ quan chủ trì điều phối hoạt động ứng phó với BĐKH, Nhóm Nâng cao Nhận thức Cộng đồng đóng vai trò quan trọng trong Chương trình SEMLA trong giai đoạn 2008-2009.

Chương trình đã xây dựng được bộ tài liệu truyền thông rõ ràng và dễ hiểu về BĐKH cho ba nhóm mục tiêu khác nhau, bao gồm người dân, học sinh phổ thông cơ sở và cán bộ cấp cơ sở. Bộ tài liệu truyền thông về BĐKH này tập trung nâng cao nhận thức về các tác động có thể xảy ra ở cấp địa phương và cấp quốc gia và đã được phân phát tới tất cả các đơn vị của Bộ TNMT và được đăng trên trang web của tất cả các tỉnh và có thể tải xuống một cách dễ dàng.

Chương trình SEMLA đã hỗ trợ một số hình thức truyền thông tại cấp cơ sở ở một số địa phương, cũng như tăng cường truyền thông đại chúng thông qua các chiến dịch truyền thông và nâng cao nhận thức. Bằng cách này, Chương trình đã hướng dẫn cách thức lồng ghép thông tin về BĐKH vào các hoạt động cũng như xác định các hoạt động cần phải tiến hành trong giai đoạn 2008-2009.

Hỗ trợ mạng lưới báo cáo viên và công tác viên cơ sở:

Báo cáo viên và cộng tác viên cơ sở có vai trò quan trọng trong việc tuyên truyền trực tiếp cho cộng đồng của mình. Tài liệu đào tạo dành cho báo cáo viên cơ sở đã được xây dựng, trong đó bao gồm một mô đun về phương pháp truyền thông về biến đổi khí hậu. Các lớp đào tạo sẽ được tổ chức từ tháng 9/2008.

Nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu thông qua hương ước bảo vệ môi trường

Chương trình đã tiến hành đánh giá mức độ nhận thức của cộng đồng và cán bộ địa phương về BĐKH tại một số tỉnh SEMLA. Các cộng đồng địa phương đã bắt tay thực hiện các biện pháp thích ứng với các thay đổi của điều kiện tự nhiên như hiện tượng xâm thực, nhiễm mặn mặc dù có thể họ không nhận thức được mối liên hệ giữa các thay đổi này với BĐKH. Kế hoạch của Chương trình là sẽ bổ sung nội dung BĐKH và các ví dụ điển hình về thích ứng có hiệu quả đối với BĐKH tại cấp cộng đồng vào hương ước bảo vệ môi trường.

Tập huấn về kỹ năng truyền thông và nâng cao nhận thức (cho cơ quan truyền thông đại chúng)

Các phương tiện truyền thông đại chúng, đặc là truyền hình, là rất phổ biến tại Việt Nam, ngay cả ở khu vực nông thôn. Trong nhiều hoạt động của mình, Chương trình SEMLA đã chủ động mời các cơ quan truyền thông đại chúng cấp tỉnh tham gia; Chương trình cũng đã hỗ trợ Sở TNMT Bà Rịa Vũng Tàu và Đồng Nai xây dựng các chương trình truyền hình định kỳ về các vấn đề tài nguyên và môi trường.

Các phương tiện truyền thông đại chúng đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu. Khả năng tiếp cận đối tượng và tác động của các phương tiện truyền thông đại chúng khiến cho đó trở thành kênh thông tin số một đối với một lượng lớn công chúng. Chương trình SEMLA có thể góp phần xây dựng năng lực cho đội ngũ phóng viên, và hỗ trợ họ thực hiện một nhiệm vụ quan trọng là đưa tin chính xác và toàn diện về các vấn đề liên quan đến khí hậu ở cấp quốc gia và cấp cơ sở.

Tổ chức một khoá tập huấn ngắn (2-3 ngày) cho đội ngũ phóng viên các tỉnh SEMLA. Nội dung khoá tập huấn sẽ bao gồm các cách tiếp cận và kỹ năng báo chí khi đưa tin về các vấn đề môi trường và phát triển bền vững, đặc biệt chú trọng tới BĐKH.

Xây dựng một bộ công cụ truyền thông đại chúng (có cả ở dạng số) trong đó cung cấp thông tin cơ bản về các vấn đề liên quan đến khí hậu của Việt nam nhằm khuyến khích và hỗ trợ việc đưa tin của phóng viên.

2.4. Xây dựng năng lực (Nhóm Chuyên đề Xây dựng Năng lực)

Một mô đun đào tạo về biến đổi khí hậu cho cán bộ ngành TNMT hiện đang được xây dựng với sự hỗ trợ của Chương trình SEMLA và sự cộng tác của Vụ Tổ chức cán bộ và Vụ Hợp tác quốc tế của Bộ TNMT. Mô đun đào tạo này sẽ được sử dụng để tập huấn cho đội ngũ cán bộ tại cấp trung ương và địa phương.

Chương trình cũng đã xây dựng một chương trình đào tạo cho cán bộ cấp huyện và xã trong đó chú trọng tới vấn đề BĐKH và quản lý môi trường. Chương trình đào tạo này trước mắt có thể được thực hiện tại các tỉnh SEMLA, tuy nhiên cũng có thể

đồng thời triển khai trên toàn quốc nếu chính phủ Việt nam và các nhà tài trợ có thể cung cấp kinh phí thông qua một cơ chế tài trợ đa phương.

2.5. Sản xuất sạch hơn và ứng phó với biến đổi khí hậu (các Hợp phần tỉnh)

Chương trình SEMLA đã thực hiện và sẽ tiếp tục thực hiện các hoạt động về sản xuất sạch hơn, bao gồm:

- Tập huấn về sản xuất sạch hơn
- Thực hiện các dự án thử nghiệm về sản xuất sạch hơn
- Cung cấp thông tin về sản xuất sạch hơn.

Các hoạt động về sản xuất sạch hơn là nhằm tiếp cận theo cả hai hướng, đó là thích ứng và giảm nhẹ BĐKH.

Cùng với các biện pháp khác, sản xuất sạch hơn có thể góp phần giảm nhẹ thông qua việc giảm lượng phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính từ các ngành sản xuất công nghiệp bằng cách tiết kiệm năng lượng và chuyển sang sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo như năng lượng gió và năng lượng mặt trời.

Cùng với các biện pháp khác, sản xuất sạch hơn có thể góp phần thực hiện thích ứng với biến đổi khí hậu bằng nhiều cách, ví dụ: giảm lượng tiêu thụ nước từ các nguồn nước có khả năng bị ảnh hưởng xấu bởi biến đổi khí hậu. Tương tự, sản xuất sạch hơn có thể giúp giảm lượng nước thải đổ ra sông hồ và khu ngập nước khiến cho chúng càng dễ bị tổn thương hơn đối với BĐKH.

Chương trình SEMLA đã hỗ trợ thực hiện các dự án thử nghiệm về sản xuất sạch hơn (chế biến thủy sản tại Bà Rịa Vũng Tàu, chế biến cao su tại Đồng Nai và chế biến tinh bột sắn tại Bình Định), trong đó tập trung vào giảm lượng nước sử dụng và lượng nước thải. Tất cả các dự án thử nghiệm này đều có thể được nhân rộng ra các địa bàn tương tự khác.

2.6. Diễn đàn chia sẻ thông tin môi trường cho các khu công nghiệp (Tổng cục Môi trường)

Một số khảo sát đã chỉ ra rằng pháp luật môi trường liên quan đến lĩnh vực công nghiệp không được thực hiện tốt; ngành Công nghiệp phải chịu trách nhiệm về các tác động tiêu cực gây ra đối với môi trường, cả trên bình diện địa phương và trên các bình diện rộng lớn hơn. Với tốc độ tăng trưởng rất nhanh chóng của ngành Công nghiệp trong những năm vừa qua và các năm sắp tới, tác động tới môi trường có thể còn trở nên nghiêm trọng hơn. Do vậy, một yêu cầu cấp bách hiện nay là cần tăng cường công tác quản lý môi trường trong các khu công nghiệp, nơi thực hiện hoạt động sản xuất của hầu hết các ngành công nghiệp.

Giữa năm 2007, Cục Bảo vệ Môi trường (VEPA) đã đề xướng một dự án Quỹ Mở rộng của SEMLA với mục đích thiết lập một diễn đàn chia sẻ thông tin môi trường các khu công nghiệp. Dự án sẽ xây dựng quy chế và mô hình trang thông tin điện tử về môi trường; trang thông tin này có thể được nhúng vào trang thông tin điện tử của các khu công nghiệp. Trang thông tin điện tử về môi trường sẽ cung cấp các thông tin sau:

Hiện trạng môi trường khu công nghiệp,

Các hoạt động ứng phó của khu công nghiệp đối với BĐKH,
Thông tin về pháp luật môi trường có liên quan,
Thông tin về công nghệ và dịch vụ môi trường, bao gồm tiết kiệm năng lượng
và các nguồn năng lượng tái tạo;
Tin tức và kế hoạch môi trường,
Công cụ tương tác theo đó các bên có liên quan có thể gửi các đề xuất, yêu cầu,
khiếu nại tới ban quản lý khu công nghiệp.

Ý định khi thực hiện dự án này là nhằm cung cấp các dịch vụ môi trường cho các bên có liên quan - với tư cách là một kênh bổ sung ngoài kênh thông tin truyền thống theo kiểu chỉ huy - kiểm soát theo pháp luật môi trường, và do vậy có thể tạo ra cơ hội thực hiện các tranh luận cởi mở, bảo đảm minh bạch và giúp công tác quản lý môi trường tại các khu công nghiệp có thể được thực hiện một cách hiệu quả hơn.

Một hợp phần đặc biệt của dự án này là tiến hành kiểm toán năng lượng cho một số công ty đóng tại các khu công nghiệp được thí điểm và từ đó xây dựng các hướng dẫn thực hiện tiết kiệm năng lượng theo cách có thể áp dụng một cách dễ dàng. Mục đích của hợp phần này là nhằm trình diễn cách thức dịch vụ thông tin có thể giúp ngành công nghiệp giảm tác động tới môi trường và khí hậu, đồng thời cũng là giảm chi phí sản xuất.

Một hợp phần khác của dự án này là tăng cường sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo cho từng loại hình công nghiệp cụ thể và cho các khu công nghiệp. Các ngành công nghiệp có thể gia tăng sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo như năng lượng mặt trời, đồng thời các khu công nghiệp dọc theo bờ biển có thể xây dựng các bãi phong điện.

Diễn đàn chia sẻ thông tin môi trường đã được thử nghiệm tại một khu công nghiệp và sẽ được trình diễn tại các khu công khác tại các tỉnh có liên quan tới SEMLA. Dự kiến mô hình diễn đàn chia sẻ thông tin môi trường sẽ được triển khai tại tất cả các khu công nghiệp của Việt Nam trong các năm tới.

Kết luận

“BĐKH đang gây ra sự suy thoái cho môi trường toàn cầu, đòi hỏi cả thế giới phải hành động một cách nhanh chóng hơn bao giờ hết”. BĐKH là một vấn đề phức tạp, vừa mang tính trước mắt, vừa mang tính lâu dài. Tác động của BĐKH sẽ xảy ra trên phạm vi toàn cầu và ảnh hưởng tới mọi lĩnh vực, từ tự nhiên tới kinh tế - xã hội, về thực chất, BĐKH là vấn đề của phát triển bền vững. Như vậy, việc thích ứng với BĐKH cần phải được giải quyết theo một chương trình/kế hoạch toàn diện của từng quốc gia và có hợp tác chặt chẽ với cộng đồng quốc tế để bảo vệ ngôi nhà chung của ta - Trái đất - nơi nguồn tài nguyên quý giá nhất là con người đang sinh sống.

Trong APO 2008 - 2009 của Chương trình SEMLA có lồng ghép các yếu tố tác động của BĐKH vào các hoạt động, ví dụ: (i) Quy hoạch sử dụng đất, (ii) Đánh giá môi trường chiến lược, (iii) Hệ thống thông tin đất đai và môi trường, (iv) Nâng cao nhận thức, (v) Xây dựng năng lực, (vi) Sản xuất sạch hơn, (vii) Diễn đàn chia sẻ thông

tin môi trường các khu công nghiệp, v.v... Kết quả và các mô hình thành công sẽ được nhân rộng trong phạm vi 6 tỉnh SEMLA và trên toàn quốc.

Các kinh nghiệm và ví dụ thực tế này là các yếu tố đầu vào và đóng góp quan trọng cho quá trình chuẩn bị và triển khai các kế hoạch hành động cụ thể để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về ứng phó với biến đổi khí hậu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bertilsson, Per và Trương Quang Học, 2007. *Dự kiến chiến lược và nhiệm vụ quản lý đới bờ và thích ứng với biến đổi khí hậu trong Chương trình SEMLA*. Tạp chí TNMT, Số đặc biệt - 9/2007, : 146-150.
- [2] Bộ TNMT 2003. Báo cáo quốc gia đầu tiên của Việt nam: *Hướng tới Công ước chung của LHQ về biến đổi khí hậu*.
- [3] Bộ TNMT 2004. *Chiến lược quốc gia của Việt Nam: Nghiên cứu về Cơ chế phát triển sạch*. Báo cáo cuối cùng.
- [4] Bộ TNMT, 2007. *Các văn bản pháp lý liên quan tới việc thực hiện Công ước chung của LHQ và Nghị định thư Kyoto tại Việt Nam*.
- [5] Bộ TMNT, 2008. Chương trình Mục tiêu Quốc gia: *Ứng phó với Biến đổi khí hậu* (Dự thảo).
- [6] Hoàng Minh Đạo, Trương Quang Học và Per Bertilsson, 2007. *Chương trình SEMLA: Thành tựu và Đóng góp*. Tạp chí TNMT, Số đặc biệt - Chương trình SEMLA: 13-17.
- [7] Hiệp hội Bảo tồn Thiên nhiên và Môi trường (VACNE), 2008. *Biến đổi khí hậu và các biện pháp thích ứng của Việt nam*. Hanoi, 26-29/2/2008.
- [8] IPCC, 2007a. “*Báo cáo đánh giá lần 4 của UBLCVPBĐKH: Nhóm I: “Khoa học vật lý về biến đổi khí hậu”, Nhóm II: “Tác động, thích ứng và khả năng bị tổn thương”, Nhóm III: “Giảm nhẹ biến đổi khí hậu”*”.
- [9] IPCC, 2007b. *Khí hậu và tác động tới sức khoẻ con người*.
- [10] Trương Quang Học, 2007a. Đa dạng sinh học và biến đổi khí hậu - Các vấn đề chung. Bản tin ISGE, Bộ TNMT, Vol. 8, Tháng 5, 2007.
- [11] Trương Quang Học, 2007b. Biến đổi khí hậu, đa dạng sinh học trong quan hệ với đời sống và phát triển xã hội. Tạp chí Bảo vệ Môi trường, Số 96/ 5.2007.
- [12] Trương Quang Học, Per Bertilsson và Jonas Noven, 2007. Các bước tiến bộ trong lồng ghép các nội dung biến đổi khí hậu vào quy hoạch sử dụng đất ở Việt Nam. Tài liệu hội thảo “Thích ứng với biến đổi khí hậu trong các chính sách, quy hoạch và chương trình phát triển tại Việt nam, Hanoi, 22/10/2007 (Do Bộ TNMT, ICEM, SEMLA và IIED tổ chức):2-16.